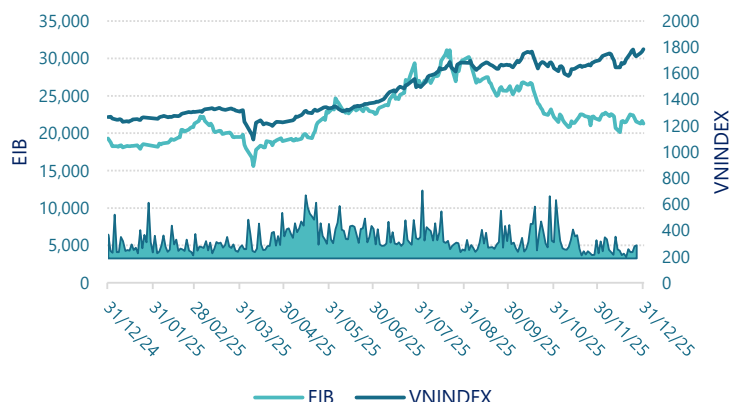


Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (HSX: EIB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	31,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,600
SL cổ phiếu LH	1,862,720,607
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,710,295
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	39,676
P/E	34.9
EPS	610

DT thuần

Q4/25

-2,498

tỷ VNĐ

QoQ: ▼105| -4.4%

YoY: ▼553| -28.4%

LN sau thuế

Q4/25

0.00

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.18| -101%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.7%

+/- YoY: ▲ 2.4%

DT thuần

2025

-9,542

tỷ VNĐ

YoY: ▼2,231| -30.5%

LN sau thuế

2025

0.00

tỷ VNĐ

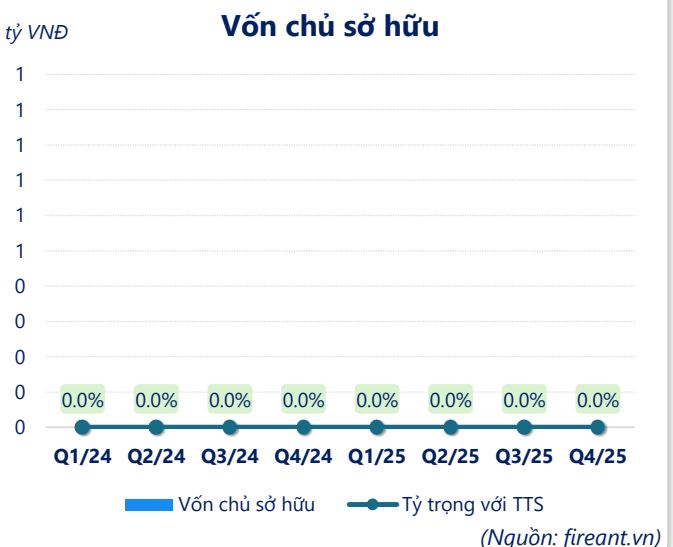
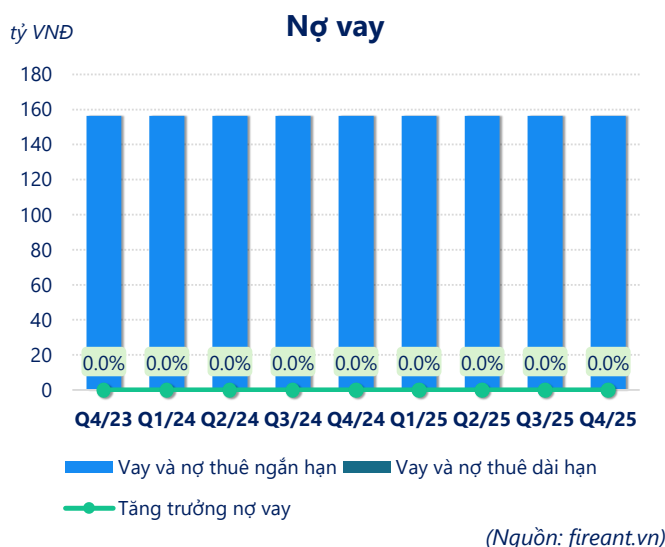
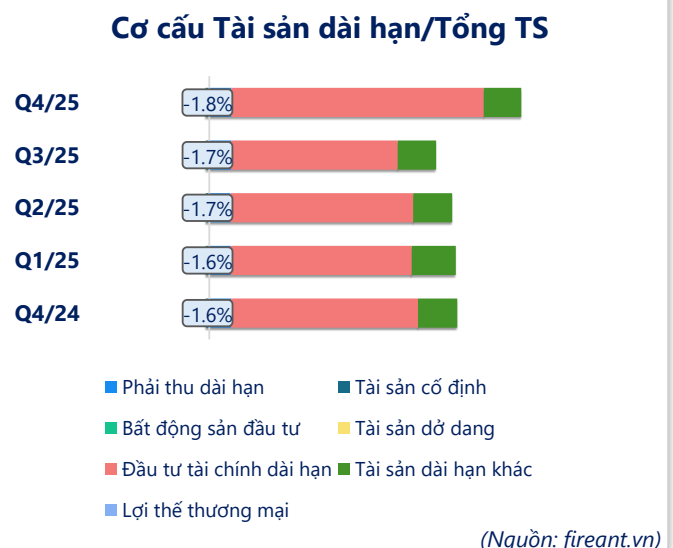
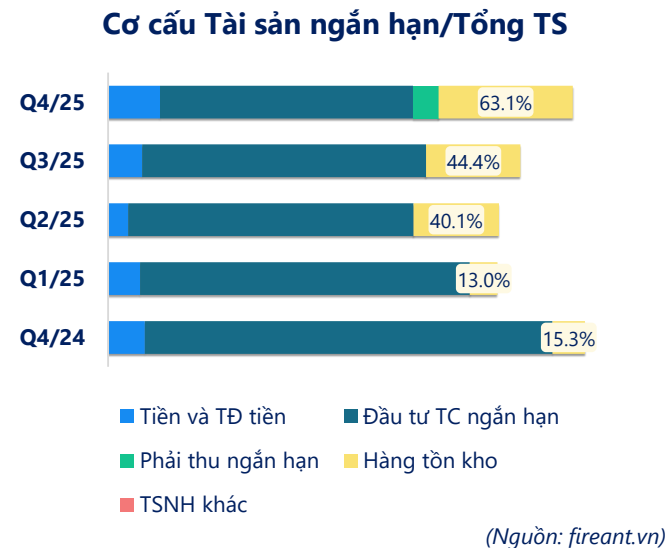
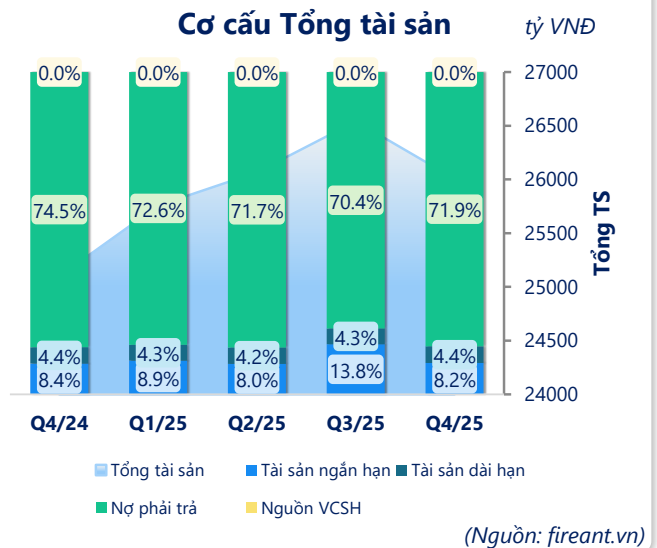
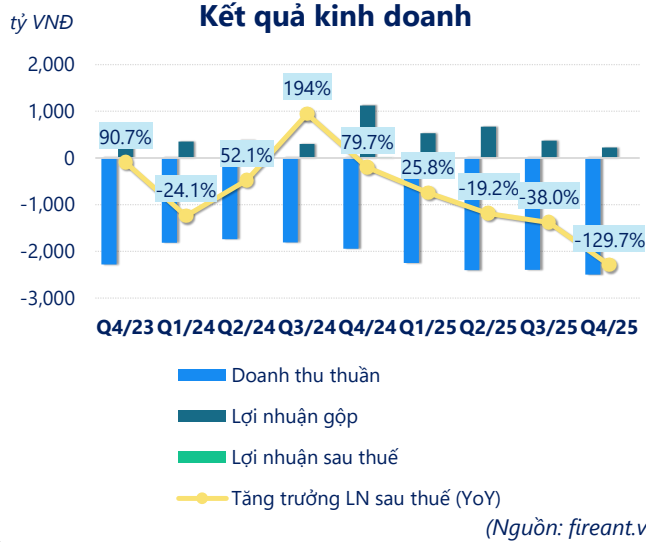
YoY: ▼0.18| -101%

ROE

2025

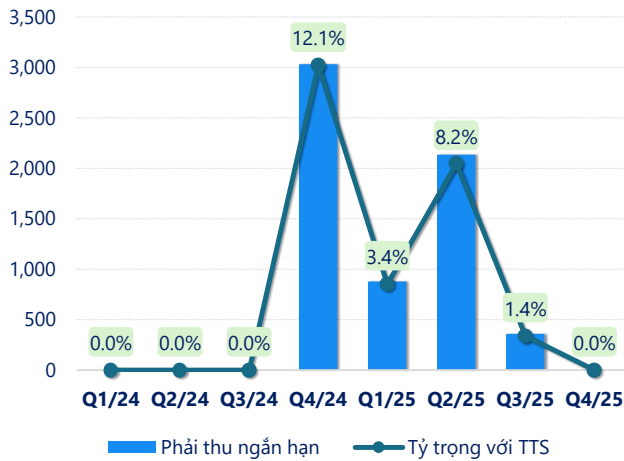
#VALUE!

#VALUE!



tỷ VNĐ

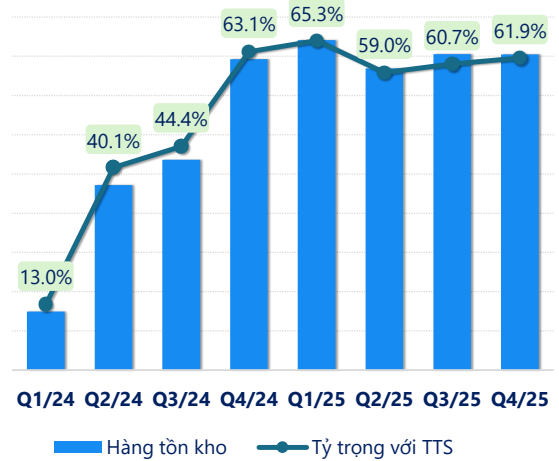
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

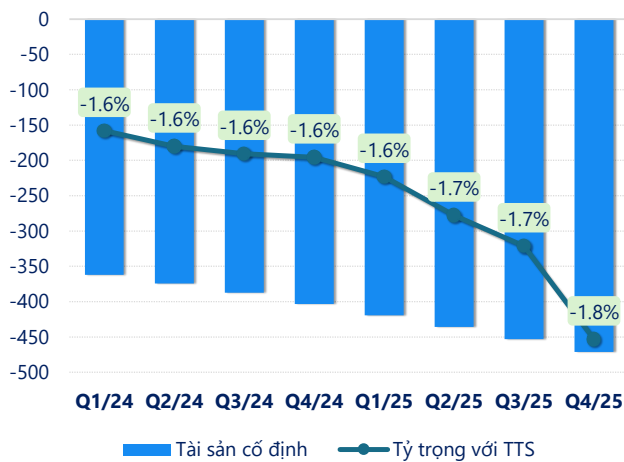
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

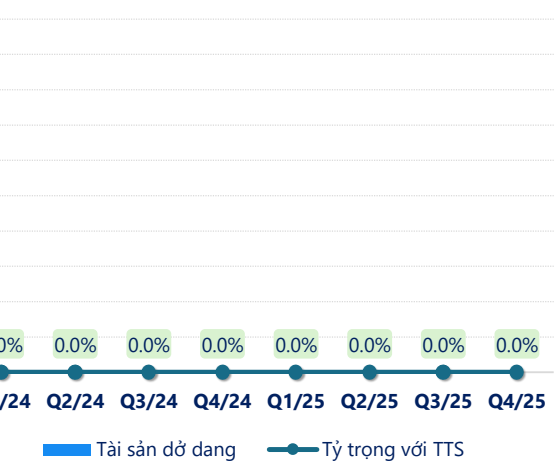
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

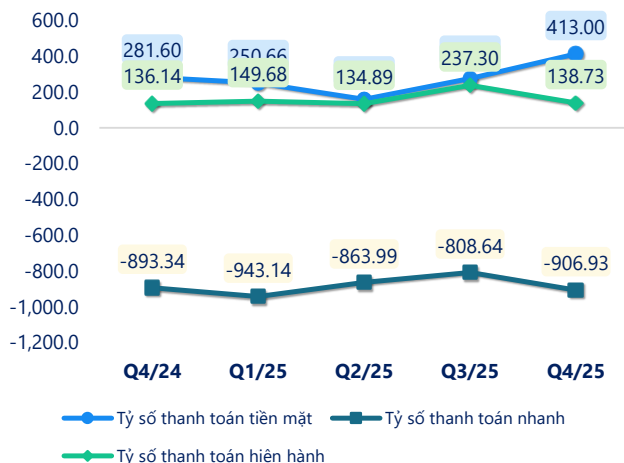
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



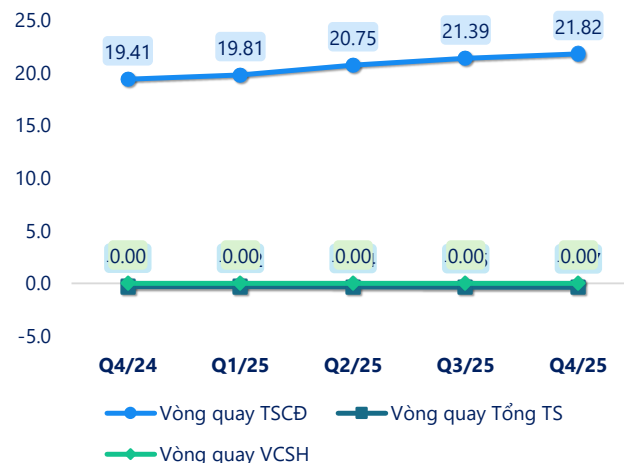
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	25,099	25,757	26,067	26,541	26,006
Tài sản ngắn hạn	2,096	2,305	2,077	3,653	2,136
Tiền và tương đương tiền	4,336	3,859	2,453	4,235	6,359
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29,830	26,587	30,508	35,075	42,348
Phải thu ngắn hạn	3,031	879	2,134	359	0
Hàng tồn kho	15,850	16,825	15,379	16,103	16,099
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	1,109	1,096	1,099	1,148	1,136
Phải thu dài hạn	2,573	2,611	2,616	2,711	2,716
Tài sản cố định	-403	-419	-436	-453	-471
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	22,068	21,902	22,386	20,793	30,835
Tài sản dài hạn khác	4,607	5,350	4,766	4,807	4,595
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	18,688	18,688	18,688	18,688	18,688
Nợ ngắn hạn	15.4	15.4	15.4	15.4	15.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	156	156	156	156	156
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)